TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 12/4/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiểu

Bà Trần Thị Kim Đồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2023/TLST – DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**.

Trụ sở: Số B, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Châu Minh S** – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh V1 – Phòng G.

Ông Châu Minh S ủy quyền lại cho: Bà **Huỳnh Lê Phụng V** – Chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro. Địa chỉ: Số A, tổ A, đường C, khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số B, đường G, khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (sau đây gọi là "Ngân hàng") do người đại diện trình bày và yêu cầu:*

Ngày 12/3/2020, Ngân hàng có ký với bà Nguyễn Thị Kim T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập và giấy phép kinh doanh của bà T, Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ, số thẻ 356480-5362, số hợp đồng: 1444059, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 150%, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Do bà Nguyễn Thị Kim T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2023 là 47.297.150đ (trong đó, vốn gốc là 32.948.095đ, lãi quá hạn là 14.349.055đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 03/10/2023 trên dư nợ gốc đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1444059 ngày 12/3/2020. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu bà T phải nộp toàn bộ án phí.

**Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T. Tuy nhiên bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T trả Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi là 55.949.416đ và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng đã ký. Về án phí, bà T phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 *(sau đây gọi là: Ngân hàng)* là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả tiền nợ gốc, lãi thẻ tín dụng theo hợp đồng đã ký; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại số S, khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả nợ gốc và nợ lãi thẻ tín dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" số 1444059 ngày 12/3/2020 (BL 11-13) có chữ ký tên, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Kim T thì bà Nguyễn Thị Kim T có đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 12/3/2020. Theo đó, Ngân hàng cấp cho bà Nguyễn Thị Kim T thẻ tín dụng số 356480-5362, hạn mức 30.000.00đ, lãi suất là 31,2%/năm (2,6%/tháng), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy, theo bảng "Tóm tắt sau kê" ngày 02/10/2023 (BL 03) do Ngân hàng cung cấp thể hiện thẻ tín dụng số 356480-5362 bà T có sử dụng và chỉ thanh toán đến ngày 22/7/2022. Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 21/11/2023 bà T không thanh toán nợ thẻ tín dụng là vi pham thỏa thuận thanh toán giữa bà T và Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng chuyển khoản nợ thẻ tín dụng cấp cho bà T thành nợ quá hạn từ ngày 22/11/2022 với dư nợ gốc là 32.948.095đ và bắt đầu tính lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận giữa bà T và Ngân hàng được quy định tại "Điều khoản và Điều kiện thẻ tín dụng S2". Tính đến ngày 12/4/2024, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 55.949.416đ (trong đó, dư nợ gốc là 32.948.095đ, nợ lãi là 23.001.321đ). Đối với bà Nguyễn Thị Kim T mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả N nợ gốc, nợ lãi tính

đến ngày 12/4/2024 là 55.949.416đ (năm mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm mười sáu đồng (trong đó, nợ gốc là 32.948.095đ, nợ lãi là 23.001.321đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận trong "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" số 1444059 ngày 12/3/2020 kể từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu toàn bộ án phí do bà T vi phạm hợp đồng. Xét, nghĩa vụ về án phí được Tòa án quyết định trên cơ sở giải quyết yêu cầu của đương sự theo quy định tại mục 1 chương IX của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên việc Ngân hàng yêu cầu bà T phải nộp tiền án phí chỉ được xem là ý kiến của Ngân hàng về nghĩa vụ án phí, không phải là yêu cầu khởi kiện.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Ngân hàng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 12/4/2024 là 55.949.416đ (năm mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm mười sáu đồng (trong đó, nợ gốc là 32.948.095đ, nợ lãi là 23.001.321đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Kim T còn phải trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 theo lãi suất thỏa thuận trong "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" số 1444059 ngày 12/3/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.979.500đ (hai triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm đồng).

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 1.182.500đ (một triệu một trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010783 ngày 25/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Luân